| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **THỊ XÃ B** | Độc lập- Tự do- Hạnh phúc |
| **TỈNH T** | |
| Số:17/2022/QĐST-HNGĐ | *B, ngày 10 tháng 3 năm 2022* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số:13/2022/TLST-HNGĐ ngày 08/02/2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" giữa:

Nguyên đơn: Chị H LuL N (tên gọi khác H/ LuL N) - sinh năm 1990

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ 6, khu phố 2, phường L, thị xã B, tỉnh T.

Bị đơn: Anh Trần Xuân M - sinh năm 1984

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ 6, khu phố 2, phường L, thị xã B, tỉnh T.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điều 212, Điều 213, khoản 3 Điều 144 và khoản 3 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 và 84/ Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội 14 và tiểu mục 1.1 mục 1 phần II Danh mục án phí ban hành kèm theo;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và biên bản hòa giải ngày 02 tháng 3 năm 2022;

## XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 3 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi về thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị H LuL N (tên gọi khác H/ LuL N) và anh Trần Xuân M.

**2.** Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

**- Về hôn nhân:** Chị H LuL N (tên gọi khác H/ LuL N) và anh Trần Xuân M thuận tình ly hôn.

- **Về con cái:** Vợ chồng có 02 con chung: Cháu đầu tên là Trần Thị D( nữ) sinh ngày 16/7/2010, cháu thứ hai tên là Trần Anh D( nam) sinh ngày 07/10/2015. Vợ chồng thỏa thuận giao cháu D và cháu D cho anh Trần Xuân M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục các cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động. Chị H LuL N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì quyền lợi của con cái, khi cần thiết, các bên đương sự được quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

- **Về tài sản:** Vợ chồng không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Án phí Dân sự sơ thẩm: Chị H LuL N và anh Trần Xuân M mỗi người nộp 75.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Hai bên thỏa thuận chị H LuL N nộp thay án phí ly hôn sơ thẩm cho anh M được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị H LuL N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Thị xã B. Như vậy chị H LuL N và anh M đã thi hành xong khoản án phí DSST.

Trả lại cho chị H LuL N số tiền 150.000đ theo biên lai thu số: AA/2021/ 0005069 ngày 08/02/2022 của chi cục Thi hành án dân sự Thị xã B, tỉnh T.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- Viện kiểm sát ND thị xã B
- UBND phường L(ĐK 15/3/2010)
- Tòa án tỉnh T
- Chi cục thi hành án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**TỐNG THỊ HÀ**